

Bản án số: 162/2022/HS-PT

Ngày: 25 - 4 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử công khai phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 99/2022/TLPT-HS ngày 23-02-2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HSST ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ văn hóa: 12/12; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có chồng Phạm Thành H (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-9-2020 cho đến nay; hiện đã đi chấp hành án phạt tù theo bản án sơ thẩm; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Đình H, thuộc Văn Phòng luật sư T; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Khắc T, trú tại: tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Khắc T: Luật sư Đàm Quốc C, Công ty luật TNHH C, Đ Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Văn Đ, một số người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích V là người làm nghề môi giới mua bán bất động sản, nhưng do làm ăn thua lỗ và nợ nhiều người đến hạn phải trả, nên trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2020, V đã thuê Lê Văn Đ sinh năm 1987, có hộ khẩu thường trú tại, tỉnh Hải Dương đang sinh sống và lao động tự do tại thành phố Hồ Chí Minh làm giả 17 Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất. Sau khi làm giả được các GCNQSD đất V đã dùng những GCNQSD đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Với thủ đoạn như trên V đã chiếm đoạt của 12 bị hại tổng số tiền 6.926.000.000 đồng, cụ thể các vụ như sau:

1. Về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

Vào khoảng tháng 4/2018 thông qua Ngô Đức L sinh năm 1990, trú tại tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị Bích V gặp và quen biết với Lê Văn Đ. Đ giới thiệu là bản thân nhận làm giả các loại giấy tờ, tài liệu. Nên V đã thuê Đ làm giả GCNQSD đất thì Đ đồng ý, sau đó V gửi các thông tin giấy tờ cần làm giả bằng hình ảnh cho Đ thông qua tài khoản mạng xã hội Zalo của Đ đăng ký số điện thoại 0975856559. Sau khi nhận được các thông tin từ V, Đ không tự làm mà chuyển tiếp các thông tin của V đến đến tài khoản mạng xã hội Zalo được đăng số điện thoại 0976791973 cho đối tượng tên T (hiện chưa xác định nhân thân lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh để T làm giả. Khi có được GCNQSD đất giả Đ sẽ gửi xe khách cho V hoặc đưa trực tiếp cho V. Đ thỏa thuận với mỗi GCNQSD đất giả V trả Đ 17.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng, nếu sai thông tin thì làm lại với giá 6.000.000 đồng/ 01 GCNQSD đất và 6.000.000 đồng/ 01 Giấy phép lái xe ô tô giả, trong đó T nhận 6.000.000 đồng/ 01 GCNQSD đất; 2.000.000 đồng/ 01 Giấy phép lái xe ô tô, Đ hưởng tiền chênh lệch từ 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/ 01 GCNQSD đất và 4.000.000 đồng đối với Giấy phép lái xe ô tô, trường hợp sai thông tin làm lại thì Đ hưởng 6.000.000 đồng/ 01 GCNQSD đất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã thu giữ được 17 Giấy chứng nhận quyền sử dụng GCNQSD đất, trong đó giấy tờ liên quan ông Nguyễn Khắc T, Phan Thị H gồm:

- 01 GCNQSD đất số BB793930 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H sinh năm 1932 địa chỉ tại thành phố B do UBND thành phố B cấp ngày 27/01/2011 có nội dung thay đổi là ông Nguyễn Khắc T sinh năm 1969, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng công chứng số 1 tỉnh Đắk Lắk chứng thực theo hợp đồng số 1183 Quyền số 01 ngày 25/4/2011. Sau khi nhận GCNQSD đất giả trên V trả cho Đ 18.000.000 đồng.

- 01 GCNQSD đất số BP223593 mang tên ông Đặng Tất C sinh năm 1979 địa chỉ thường trú tại Gia Lai do UBND thành phố B cấp ngày 12/11/2013 có nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: Chuyển nhượng cho ông Mai Chu D sinh năm 1989 vào ngày 01/6/2018 và chuyển nhượng cho bà Phan Thị H sinh năm 1967, địa chỉ thường trú tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/5/2021 (GCNQSD đất này Đ làm bị sai thông tin địa chỉ từ “xã B, huyện B” thành “xã H, huyện B”). Sau khi nhận GCNQSD đất giả trên V trả cho Đ 18.000.000 đồng.

- 01 GCNQSD đất số BP223593 mang tên ông Đặng Tất C sinh năm 1979, địa chỉ thường trú tại Gia Lai do UBND thành phố B cấp ngày 12/11/2013 có nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: chuyển nhượng cho ông Mai Chu D sinh năm 1989 vào ngày 01/6/2018 và chuyển nhượng cho bà Phan Thị H sinh năm 1967, địa chỉ thường trú tại xã B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/5/2021. Do bị sai về thông tin (“xã B, huyện B” thành “xã H, huyện B”) nên V yêu cầu làm lại GCNQSD đất giả trên, V trả cho Đ 6.000.000 đồng.

- 01 GCNQSD đất số BP266959 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H sinh năm 1932, địa chỉ thường trú tại tổ dân phố 1, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do UBND thành phố B cấp ngày 22/01/2014. Sau khi nhận GCNQSD đất giả trên V trả Đ 18.000.000 đồng.

- 01 GCNQSD đất số BP266960 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H sinh năm 1932, địa chỉ thường trú tại tổ dân phố 1, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do UBND thành phố B cấp ngày 22/01/2014. Sau khi nhận GCNQSD đất giả trên V trả Đ 18.000.000 đồng.

Tại các Bản kết luận giám định số 633 ngày 12/7/2020, số 758 ngày 25/8/2020, số 966 ngày 06/11/2020, số 1038 ngày 27/11/2020, số 1057 ngày 30/11/2020 và số 454 ngày 29/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định 17 GCNQSD đất nêu trên gửi đến giám định là GCNQSD đất giả (BL: 102-103, 108-109, 121-123, 240-241, 248-250, 255-256).

Tổng cộng, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2020 Nguyễn Thị Bích V và Lê Văn Đ đã có hành vi làm giả 17 GCNQSD đất. Sau khi có được các GCNQSD đất giả nêu trên V đã sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, tổng số tiền 5.824.375.000 đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị Bích V đã trả cho đoàn Lê Văn Đ trong việc làm giả 17 GCNQSD đất là 286.000.000 đồng. Trong đó Đ đã trả cho đối tượng tên T số tiền 84.000.000 đồng và hưởng lợi bất chính số tiền 202.000.000 đồng.

2. Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi nhận được 17 GCNQSD đất giả từ Đ thì V đã sử dụng để thực hiện các vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại cụ thể như sau:

Đối với trường hợp liên quan bị hại Lê Khắc T:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 5/2016, Nguyễn Thị Bích V biết bác ruột của mình là ông Nguyễn Khắc T (tên gọi khác là H) sinh năm 1969, trú tại tổ dân phố 1, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có thửa đất số 52, tờ bản đồ 108, diện tích 219,9m² có GCNQSD đất số BB793930 tại số 124 đường Phan Huy Chú, phường K, thành phố B nên V đã nảy sinh ý định lừa đảo lấy thửa đất này. Để thực hiện hành vi lừa đảo, V đưa ra thông tin gian dối với ông T là ủy quyền cho V thửa đất này để V vay ngân hàng lấy vốn đầu tư Nhà trẻ tư thực. Ngày 21/5/2015 ông T tin là thật nên đồng ý cùng V đến Văn phòng Công chứng Đ ở số 38 đường Ngô Quyền, thành phố B để làm thủ tục ủy quyền. Tuy nhiên, tại văn phòng công chứng V không làm thủ tục ủy quyền mà V đã làm thủ tục ký hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất từ ông T sang tên cho V và chồng của V là Phạm Thành H sinh năm 1986, cư trú tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T tin tưởng V nên không đọc lại hợp đồng và ký hợp đồng sang nhượng thửa đất này cho vợ, chồng V. Đến khoảng tháng 5/2019, ông T yêu cầu V trả lại GCNQSD đất thì V đã thuê Lê Văn Đ làm giả GCNQSD đất số BB793930 để đưa cho ông T. Ngày 01/6/2019, V đã bán thửa đất này cho ông Nguyễn Hồng L sinh năm 1990, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) (do vợ chồng sống ly thân ông H không muốn liên quan đến việc làm của V nên trước đó đã ủy quyền toàn bộ tài sản cho V tự định đoạt). Số tiền chiếm đoạt được từ việc bán thửa đất này V dùng để trả nợ vay ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết, hiện chưa khắc phục cho ông T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2176 ngày 23/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: Giá trị quyền sử dụng đất số BB793930 của thửa đất số 52, tờ bản đồ 108, phường K, thành phố B tại thời điểm ngày 01/6/2020 là 1.091.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sau khi bị bà Trần Thị Thanh H phát hiện V lừa bán đất để chiếm đoạt của bà H tổng số tiền 1.735.000.000 đồng (trong đó 390.000.000 đồng, trong vụ thứ mười; 1.345.000.000 đồng, trong vụ thứ mười một) bà H nhiều lần yêu cầu V phải trả lại tiền. Đến đầu tháng 6/2020 V nảy sinh ý định

lừa bác ruột là ông Nguyễn Khắc T chuyển nhượng thửa đất số 557, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.225,48m², GCNQSD đất số CT470519 ở tổ dân phố 5, phường K, thành phố B cho bà H để V cản trở một phần số tiền mà V đã chiếm đoạt của bà H (vụ thứ 10 và 11). Ngày 12/6/2020, tại quán cà phê Suối reo, phường K, thành phố B, V đã giả thỏa thuận với ông T là V sẽ bán dùm ông T thửa đất trên với giá 1.400.000.000 đồng bằng cách V sẽ đưa cho ông T số tiền mặt là 700.000.000 đồng và kèm theo thửa đất số 59, tờ bản đồ 108, diện tích 104,8 m² GCNQSD đất số BP266959, tại tổ dân phố 1, phường K, thành phố B (thửa đất này do chính V là chủ sở hữu nhưng trước đó vào ngày 10/6/2020 V đã bán cho ông Nguyễn Hồng L với giá 300.000.000 đồng). Sau khi ông T đồng ý ngày 13/6/2020, V đưa ông T đến Văn phòng công chứng X để làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho bà H. Tại đây bà H nhờ cháu mình là bà Trần Thị Tuyết T sinh năm 1983, trú tại thành phố Hồ Chí Minh thay bà H đứng tên chủ sở hữu. Sau khi lừa ông T sang nhượng đất cho bà H xong thì V đã nhờ 01 người tên T (do V quen biết ngoài xã hội) đóng giả là nhân viên của Văn phòng công chứng Đ đến nhà gặp ông T để xác nhận ký hợp đồng sang nhượng thửa đất có GCNQSD đất số BP266959 do V là chủ sở hữu cho ông T. Sau khi ông T kí và lặn tay điểm chỉ vào hợp đồng sang nhượng do V tự soạn thảo thì V liên hệ Đ làm giả GCNQSD đất trên rồi đưa lại cho ông T. Sau khi lừa ông T bán thửa đất trên với giá 1.400.000.000 đồng thì V chưa trả lại số tiền trên cho ông T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2176 ngày 23/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 557, tờ bản đồ 8, phường K, thành phố B tại thời điểm ngày 12/6/2020 là 921.000.000 đồng (BL: 1147-1148).

Bằng các thủ đoạn gian dối tương tự, bị cáo V đã chiếm đoạt của các bị hại khác gồm: bà Phan Thị H số tiền 1.300.000.000 đồng; bà Đặng Thị Thanh H số tiền 150.000.000 đồng; ông Lê Văn Q số tiền 10.000.000 đồng; ông Lê Xuân T số tiền 40.000.000 đồng; ông Hoàng Mạnh H số tiền 110.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn N số tiền 110.000.000 đồng; bà Mai Thị P (vợ ông Nguyễn Văn C) số tiền 80.000.000 đồng; bà Trịnh Thị H số tiền 140.000.000 đồng; bà Trần Thị Thanh H số tiền 735.000.000 đồng; ông Vũ Đình C số tiền 50.000.000 đồng; bà Phan Thị Thanh T số tiền 27.000.000 đồng.

Tổng cộng Nguyễn Thị Bích V đã chiếm đoạt của 12 bị hại số tiền 6.926.000.000 đồng.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015;

- Bồi thường cho ông Nguyễn Khắc Thắng số tiền mà Nguyễn Thị Bích V đã chiếm đoạt là 2.921.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích V: 22 năm 06 tháng tù về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 04 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”; quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng.

[3] Kháng cáo:

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, bị hại ông Lê Khắc T kháng cáo với 02 nội dung: đề nghị xem xét lại Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 52 tờ bản đồ số 108, diện tích là 219,9m² tại phường K vì đây là Hợp đồng giả tạo, ông T không có ký vào Hợp đồng chuyển nhượng, nên không thể cho rằng ông đã chuyển nhượng thửa đất này cho bị cáo V. Đồng thời xem xét lại Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 60, tờ bản đồ 108 có diện tích 219,9m² của hộ bà Phan Thị H vì chỉ có bà H ký tên chuyển nhượng, còn các thành viên khác không ký nên Hợp đồng này trái quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Nguyễn Khắc T rút một phần kháng cáo về nội dung có liên quan đến thửa đất số 60, tờ bản đồ 108 có diện tích 219,9m² của hộ bà Phan Thị H. Ông Nguyễn Khắc T và Luật sư của ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Bản án hình sự sơ thẩm về phần dân sự để làm rõ việc ông T có hay không việc ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 52 tờ bản đồ số 108, diện tích là 219,9m² tại phường K cho bị cáo V. Đồng thời trả lại cho ông T quyền sử dụng thửa đất số 52 bằng hiện vật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Phiên tòa phúc thẩm bị cáo bị kháng cáo vắng mặt do trở ngại khách quan, nên đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử. Về nội dung kháng cáo: những tài liệu đã thu thập trong hồ sơ đủ cơ sở để kết tội bị cáo về tội lừa đảo; ông T không có ý định chuyển nhượng đất thửa 52 nêu trên cho bị cáo nên ông không biết bị cáo lừa ông ký vào Hợp đồng này; việc này bị cáo đã thừa nhận là đã lừa ông T ký vào để chiếm đoạt. Bản án sơ thẩm đã quyết định về dân sự là đúng pháp luật, bị hại kháng cáo nhưng không có tài

liệu chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Khắc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị Bích V do trở ngại khách quan và việc vắng mặt này không trở ngại cho việc xét xử, không có đơn xin hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội

Từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2020, bị cáo Nguyễn Thị Bích V đã thuê Lê Văn Đoàn sinh năm 1987 làm giả 17 Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất. Bị cáo V đã dùng những Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 người bị hại với tổng số tiền 6.926.000.000 đồng. Các bị cáo đã sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Bích V đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định*” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo về phần dân sự liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 60, tờ bản đồ 108 có diện tích 219,9m² của hộ bà Phan Thị H. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người kháng cáo đã rút phần nội dung kháng cáo này, (Bản án sơ thẩm cũng không có quyết định giải quyết phần nội dung này). Do phần kháng cáo đã rút không liên quan đến nội dung kháng cáo khác, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phần kháng cáo này.

[4] Xét kháng cáo về phần dân sự liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thửa số 52 tờ bản đồ số 108, diện tích là 219,9m² tại phường K.

Nguyễn Thị Bích V biết bác ruột của mình là ông Nguyễn Khắc T có thửa đất số 52, tờ bản đồ 108, diện tích 219,9m² có GCNQSD đất BB793930 nên V đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt. Để thực hiện hành vi lừa đảo, V đưa ra thông tin gian dối với ông T là ủy quyền cho V thửa đất này để V vay ngân hàng lấy vốn đầu tư Nhà trẻ tư thực. Ngày 21/5/2015 ông T tin là thật nên đồng ý cùng V đến Văn phòng Công chứng Đ ở số 38 đường Ngô Quyền, thành phố B

để làm thủ tục ủy quyền. Tuy nhiên, tại Văn phòng công chứng, bị cáo V không làm thủ tục ủy quyền mà V đã làm thủ tục ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T sang tên cho V và chồng của V là Phạm Thành H. Ông T tin tưởng V nên không đọc lại Hợp đồng và ký hợp đồng sang nhượng thửa đất này cho V. Đến khoảng tháng 5-2019, ông T yêu cầu V trả lại GCNQSD đất thì V đã thuê Lê Văn Đ làm giả GCNQSD đất số BB793930 để đưa cho ông T. Ngày 01-6-2019, V đã bán thửa đất này cho ông Nguyễn Hồng L sinh năm 1990, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Như vậy, bị cáo V đã lợi dụng sự tin tưởng của ông T để đưa ra thông tin gian dối là ủy quyền đứng tên để vay vốn làm ăn, nhưng lại lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 52. Ông T không có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 52 cho bị cáo V, nên ông không chấp nhận việc chuyển nhượng này là đương nhiên, ông T đã bị Nguyễn Thị Bích V lừa đảo; đây là một trong những căn cứ buộc tội đối với bị cáo V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 52 giữa ông T và bị cáo V đã được hoàn thành; bị cáo V đã tiếp tục chuyển nhượng thửa đất 52 này cho Nguyễn Hồng L lấy 2 tỷ đồng để sử dụng vào việc cá nhân. Ông L nhận chuyển nhượng thửa đất này vào ngày 01-6-2019, nhưng đến ngày 14-9-2020 thì vụ án mới được khởi tố, như vậy ông L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ngay tình, công khai, hợp đồng đã hoàn thành và được thực hiện theo đúng thủ tục luật định. Như vậy thửa đất số 52 nêu trên không còn chịu sự quản lý, sử dụng của bị cáo V nên không thể buộc bị cáo trả lại bằng hiện vật. Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo V phải bồi thường lại cho ông Nguyễn Khắc T số tiền đã chuyển nhượng thực tế thửa đất số 52 nêu trên là 2 tỷ đồng (cao hơn giá trị định giá) là đúng quy định pháp luật.

[5] Do hành vi chiếm đoạt bị cáo V đối với thửa đất số 52 tờ bản đồ số 108, diện tích là 219,9m² của ông Nguyễn Khắc T đã rõ, nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm về phần nội dung này. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[6] Kháng cáo về phần dân sự của bị hại không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Khắc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc Nguyễn Thị Bích V bồi thường cho ông Nguyễn Khắc Thắng số tiền mà Nguyễn Thị Bích V đã chiếm đoạt là 2.921.000.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm hai mươi một triệu đồng y*).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Khắc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng y*) án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm hình sự, án phí và xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV; Trại tạm giam - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long